

Bản án số: 225/2024/HS-ST
Ngày: 14-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thành Thông

- Ông Nguyễn Đình Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 246/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2177/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lầu Hồng N1; sinh năm: 1988; tại: tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 44C, tổ B, khu phố B, đường H, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu Lý C và bà Nguyễn Thị M; có chồng và 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/11/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 4 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng tại Quyết định số 470/QĐ-TA; đến ngày 13/4/2021, Cơ sở cai nghiện ma túy P có Quyết định đưa người ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lầu Hồng N1 để phục vụ công tác điều tra. Ngày 16/11/2021, bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt: 01 năm 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm 06 tháng tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2021 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HS-ST; hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, Bộ C1

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2021 đến nay (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

+ Bị hại:

1. Công ty T6; trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số B N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đại diện theo pháp luật: Bà Annica Maria W (quốc tịch: Thụy Điển) - Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: ông Trần Huy N2, sinh năm: 1988; nơi cư trú: 1 Đường số A, khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 74/2022/GUQ-SE ngày 12/5/2022) – Có mặt.

2. Công ty T7; trụ sở: Tầng H, 9, 10 Tòa nhà G, số B P, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N3 – Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số F Đường T, Tổ A, Khu phố A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 240506-ISE ngày 06/5/2024) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lầu Hồng N1 và Phan Chí T1 chung sống như vợ chồng tại các khách sạn thuộc khu vực Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian này, T1 nói cho N1 biết T1 có quen biết người tên T2 (không rõ lai lịch) hướng dẫn T1 cách kiếm tiền bằng hình thức làm giả giấy tờ tùy thân của những người khác rồi đến các Siêu thị điện máy, Cửa hàng thể giới di động sử dụng giấy tờ giả này lập Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng với các Công ty Tài chính để mua sản phẩm trả góp nhằm chiếm đoạt giá trị còn lại của tài sản góp, giá trị này chính là tiền vay của các Công ty Tài chính ứng cho người vay để trả cho Cửa hàng, còn người vay sẽ trả góp cho Công ty Tài chính bằng hình thức trả góp. Khi mua được tài sản, N1 đem về cho T1, T1 đưa cho T2 thu mua lại.

Phương thức thủ đoạn làm giả tài liệu như sau:

- Đối với các giấy tờ là Chứng minh nhân dân hoặc Giấy phép lái xe bằng giấy thì T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán vào các giấy tờ này, sau đó đem các giấy tờ giả này đến tiệm Photocopy ép nhựa để tránh phát hiện bị làm giả.

- Đối với các giấy tờ là Chứng minh nhân dân hoặc Giấy phép lái xe bằng thẻ nhựa cứng thì N1 sẽ nhờ người tên H (không rõ lai lịch) làm giả với số tiền 700.000 đồng/01 giấy, N1 cung cấp ảnh chân dung của N1 và thông tin giấy Chứng minh nhân dân hoặc giấy phép lái xe cần làm giả gửi qua ứng dụng Zalo tên “Lão Đại” cho H biết. Khi làm xong, H sẽ giao các giấy tờ giả này cho N1 tại khu vực Vòng xoay T, thuộc huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, Lầu Hồng N1 cùng Phan Chí T1 thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng tháng 6/2019, T1 nói với N1 là T1 nhặt được Chứng minh nhân dân số 312062262 do Công an tỉnh T cấp ngày 03/10/2009 và Giấy phép lái xe số AH844162 do Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp ngày 19/01/2009

mang tên Phạm Thị Ngọc H1, T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán ảnh vào Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe này rồi đưa cho N1 đem đi ép nhựa.

Ngày 12/7/2019, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng thuộc Công ty TNHH C2 tại địa chỉ Lô G, Chung cư H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng, sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Phạm Thị Ngọc H1 ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 3909009060 với số tiền 11.342.000 đồng của Công ty T6 mua trả góp 01 (một) Tivi hiệu Sony 49X8000G trị giá 15.500.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) đến đưa cho N1 số tiền 4.650.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) đến lấy 01 Tivi hiệu Sony và đưa cho T1 số tiền khoảng 4.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết.

- **Vụ thứ hai:** Ngày 13/7/2019, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng S tại địa chỉ Số E D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Phạm Thị Ngọc H1 ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng số ED014271097 với số tiền 12.173.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) Tivi hiệu S1 QA43Q65RAKXXV trị giá 17.390.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 5.217.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên đến lấy 01 Tivi hiệu Samsung và đưa cho T1 số tiền khoảng 4.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết.

- **Vụ thứ ba:** Khoảng giữa tháng 7/2019, T1 nói với N1 nhặt được Chứng minh nhân dân số 371027043 do Công an tỉnh K cấp ngày 04/02/2006 và Giấy phép lái xe số AA536832 do Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp ngày 15/8/2006 mang tên Phạm Thị Thúy D, T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán ảnh vào Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe này rồi đưa cho N1 đem đi ép nhựa.

Ngày 28/7/2019, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng điện thoại Bạch Long M1 tại địa chỉ số E đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Phạm Thị Thúy D ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng số ED014420164 với số tiền 9.590.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 S10 Plus trị giá 19.290.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 9.700.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên đến lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 Plus và đưa cho T1 số tiền khoảng 4.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết.

- **Vụ thứ tư:** Khoảng tháng 01/2020, T1 nói với N1 nhặt được Chứng minh nhân dân số 230798847 do Công an tỉnh G cấp ngày 21/01/2015 và Giấy phép lái xe số 791097239953 do Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp ngày 05/10/2016

mang tên Đỗ Thị Phương T3 và đưa giấy tờ này cho N1. N1 liên hệ với người tên H đặt làm giả một Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Thị Phương T3 với giá 700.000 đồng, sau đó N1 sử dụng dịch vụ ví MOMO có tên tài khoản “Phan Chi T4” của T1 chuyển số tiền 700.000 đồng cho H qua dịch vụ ví MOMO có tên tài khoản là “Vi Van T5” mở tại Ngân hàng S2. Khi làm xong, H giao Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Thị Phương T3 có dán ảnh của N1. Thời điểm này, T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán vào Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Phương T3, sau đó T1 đem các giấy tờ giả này đến tiệm P1 để ép nhựa.

Ngày 10/02/2020, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần T8 tại địa chỉ C5/20 P, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng, sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Thị Phương T3 ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 4001015349 với số tiền 19.756.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple MW Iphone New 2 trị giá 37.990.000 đồng và Hợp đồng vay tiền để sử dụng Thẻ dịch vụ điện tử số 4001015870 với số tiền 8.000.000 đồng của Công ty T7. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 18.995.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên đến lấy 01 điện thoại di động hiệu Apple MW Iphone New 2 và đưa cho T1 số tiền khoảng 10.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết. Thẻ dịch vụ điện tử do T1 sử dụng nên N1 không biết T1 sử dụng vào mục đích gì.

- **Vụ thứ năm:** Khoảng tháng 3/2020, T1 nói với N1 nhặt được Chứng minh nhân dân số 221293660 do Công an tỉnh P cấp ngày 06/01/2009 và Giấy phép lái xe số AM366317 do Sở Giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 07/01/2010 mang tên Nguyễn Thị Thanh N4, T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán vào Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Thanh N4 rồi đưa cho N1 đem đi ép nhựa.

Ngày 24/4/2020, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng D1 tại địa chỉ số F L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng, sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Thị Thanh N4 ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 4002424489 với số tiền 18.725.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 S20 Ultra trị giá 25.590.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 7.677.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên đến lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung S20 Ultra và đưa cho T1 số tiền khoảng 10.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết.

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng tháng 4/2020, T1 nói với N1 nhặt được Chứng minh nhân dân số 024893942 do Công an Thành phố H cấp ngày 12/01/2012 và Giấy phép lái xe số 791148400282 do Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp ngày 20/5/2014 mang tên Đỗ Gia L và đưa các giấy tờ này cho N1. N1 liên hệ với H đặt làm một Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Gia L với giá 700.000 đồng. Khi làm xong, H giao Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Gia L có ảnh của N1. Thời điểm

này, T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán vào Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Gia L, sau đó T1 đem các giấy tờ giả này đi ép nhựa.

Ngày 30/5/2020, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần T8 tại địa chỉ số A N, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng, sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Gia L ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 4003085516 với số tiền 8.936.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) Laptop hiệu Asus Laptop 6 trị giá 12.390.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 3.717.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên đến lấy 01 Laptop hiệu Asus Laptop 6 và đưa cho T1 số tiền khoảng 4.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết.

- **Vụ thứ bảy:** Ngày 16/6/2020, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần B, tại địa chỉ số A Tỉnh lộ 10, Khu phố E, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng, sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe giả mang tên Đỗ Gia L ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số 4003430288 với số tiền 3.135.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 SS A21S 32Gb trị giá 4.390.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 1.317.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 đưa cho T1 bán cho ai thì N1 không nhớ.

- **Vụ thứ tám:** Khoảng tháng 5/2020, T1 nói với N1 nhặt được Chứng minh nhân dân số 186495662 mang tên Nguyễn Thị Thu H2 do Công an tỉnh N cấp ngày 06/7/2010 và Sổ hộ khẩu số 31160041551 do ông Nguyễn Thanh N4 đứng tên chủ hộ, bên trong có tên nhân khẩu Nguyễn Thị Thu H2. T1 gỡ ảnh gốc và N1 lấy ảnh của N1 đưa cho T1 dán vào Chứng minh nhân dân này, sau đó T1 đem giấy tờ này đi ép nhựa.

Ngày 15/7/2020, N1 cùng T1 đi đến Cửa hàng Đ tại địa chỉ A Quốc lộ E, Ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 đứng đợi bên ngoài, còn N1 đi vào Cửa hàng, sử dụng Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân giả có tên Nguyễn Thị Thu H2 ký Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp số ED018040570 với số tiền 7.903.000 đồng của Công ty T7 để mua trả góp 01 (một) máy điều hòa không khí hiệu Panasonic CU CS PU12WKH 8M trị giá 11.290.000 đồng. N1 điện thoại báo cho T1 biết để T1 báo cho Thắng cử một người nam thanh niên đến đưa cho N1 số tiền 3.387.000 đồng để trả trước tiền mua tài sản. Sau khi nhận được tài sản, N1 và T1 báo cho T2 biết để cử một người nam thanh niên đến lấy 01 máy điều hòa không khí hiệu Panasonic và đưa cho T1 số tiền khoảng 4.000.000 đồng, N1 và T1 đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận giám định số 584/KL-KTHS ngày 30/01/2023 và số 5366/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: “*Chữ ký dạng chữ viết tên “H1”, chữ viết họ tên Phạm Thị Ngọc H1 trên tài liệu Giấy đề nghị vay vốn kiêm bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử, số hợp đồng: 3909009060, đề tên người đề nghị vay Phạm Thị Ngọc H1, đề ngày 12/7/2019 so với chữ ký dạng*

chữ viết tên “H1”, chữ viết họ tên Phạm Thị Ngọc H1 do Lầu Hồng N1 viết ra trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra”.

“Chữ ký dạng chữ viết tên “T3”, chữ viết họ tên Đỗ Thị Phương T3 trên tài liệu Giấy đề nghị vay vốn kiêm bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử, số hợp đồng: 4001015349, đề tên người đề nghị vay Đỗ Thị Phương T3, đề ngày 10/02/2020; Bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử (dành cho sản phẩm thẻ tín dụng phát hành nhanh), số hợp đồng: 4001015870, đề tên người đề nghị vay Đỗ Thị Phương T3, đề ngày 10/02/2020 so với chữ ký dạng chữ viết tên “T3”, chữ viết họ tên Đỗ Thị Phương T3 do Lầu Hồng N1 viết ra trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra”.

“Chữ viết họ tên Nguyễn Thị Thu H2 trên Giấy đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử, số: ED018040570, đề tên bên vay Nguyễn Thị Thu H2, đề ngày ngày 15/7/2020; Hợp đồng tín dụng số: ED018040570, đề ngày 15/7/2020; Giấy yêu cầu bảo hiểm, đề tên người được bảo hiểm Nguyễn Thị Thu H2 ký hiệu từ A5 đến A7 so với chữ viết của Lầu Hồng Nhung trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh do cùng một người viết ra”.

“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thanh N4 trên tài liệu Giấy đề nghị vay vốn kiêm bản đăng ký sử dụng Thẻ dịch vụ điện tử, số hợp đồng: 4002424489, đề tên người đề nghị vay Nguyễn Thị Thanh N4, đề ngày 24/4/2020 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thanh N4 do Lầu Hồng N1 ký ra trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không”.

“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu H2 trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A5 đến A7 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu H2 do Lầu Hồng N1 ký ra trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Lầu Hồng N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; Phan Chí T1 phủ nhận hoàn toàn lời khai của N1 và không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 202/CT-VKS-P2 ngày 25/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử bị cáo Lầu Hồng N1 về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lầu Hồng N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nội dung về cơ bản phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án và trình bày lời luận tội, đánh giá về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; đã khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với bị cáo Lầu Hồng

N1 về tội danh, điều, khoản đã viện dẫn là có cơ sở pháp luật. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng b, c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên phạt bị cáo Lầu Hồng N1 từ 03 năm đến 04 năm tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 năm 06 tháng đến 07 năm tù; và tổng hợp với hình phạt 05 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HS-ST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 06 tháng đến 12 năm tù.

Trách nhiệm dân sự : Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền phạm tội. Gia đình bị cáo đã nộp 60 triệu đồng tiền khắc phục. Đề nghị Hội đồng xét xử chia theo tỷ lệ và số tiền còn lại buộc bị cáo phải bồi thường.

- Bị cáo Lầu Hồng N1 không tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng mức án khoan hồng.

Đại diện bị hại đề nghị xét xử bị cáo Lầu Hồng N1 nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền bị cáo nộp khắc phục hậu quả, các bị hại đồng ý việc Hội đồng xét xử chia theo tỷ lệ và đề nghị bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên và Cán bộ điều tra của (Cơ quan Cảnh sát điều tra), Kiểm sát viên, trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận giai đoạn điều tra tự nguyện khai báo, bị cáo, bị hại đều không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên trên đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lầu Hồng N1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Biên bản tiếp nhận tin báo tố về tội phạm; các biên bản (tạm giữ tài liệu – đồ vật; thu giữ vật chứng), lời khai bị hại, bản kết luận giám định; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 7/2020, bị cáo Lầu Hồng N1 đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng 11 tài liệu là Chứng minh nhân dân giả và Giấy phép lái xe giả đưa ra thông tin về nhân thân không có thật để thực hiện hành vi ký kết 08 Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trả góp tại các Cửa hàng Siêu thị điện máy và Thế giới di động, chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại với tổng số tiền là 99.560.000 đồng (trong đó, chiếm đoạt của

Công ty T6 là 69.894.000 và chiếm đoạt của Công ty T7 là 29.666.000 đồng).

Trong vụ án, bị cáo Lầu Hồng N1 là người không có nghề nghiệp, xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính muốn có tiền tiêu xài đã dùng thủ đoạn gian dối sử dụng 11 tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại “từ 05 lần trở lên” và lấy thu nhập từ việc phạm tội làm nguồn sống chính (trong đó, mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm, còn thời hiệu và chưa bị xử lý). Nên đã phạm tội thuộc trường hợp: “*Có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”; đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp: “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm phạm nghiêm trọng*”.

Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi nêu trên của bị cáo Lầu Hồng N1, đã phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” - theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lầu Hồng N1 là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính, mà còn xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại về tài sản cho bị hại; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi phạm tội trong vụ án này, bị cáo lại tiếp tục phạm tội về chiếm đoạt tài sản đã bị xét xử và còn bị xử lý hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật về hình phạt phải nghiêm, cần có một thời gian đủ dài cách ly xã hội mới đủ tác dụng của hình phạt đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án, bị cáo phạm nhiều tội bị xét xử nên cần tổng hợp hình phạt chung, và tổng hợp với hình phạt tù bị cáo đang phải thi hành của Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 có hiệu lực pháp luật – theo quy định tại Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với

bị cáo Lầu Hồng N1 là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai; mức hình phạt đề nghị xử phạt là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa: đại diện Công ty T6 là ông Trần Huy N2 yêu cầu bồi thường số tiền là 74.805.131 đồng; và đại diện Công ty T7 là ông Lê Tấn T có yêu cầu bồi thường số tiền là 34.871.042 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện hai Công ty chỉ yêu cầu số tiền bị cáo phạm tội thực tế, không yêu cầu phí phát sinh...

Xét trong vụ án, bị cáo Lầu Hồng N1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã xác định bị cáo chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại với tổng số tiền là 99.560.000 đồng, trong đó: chiếm đoạt của Công ty T6 là 69.894.000 và chiếm đoạt của Công ty T7 là 29.666.000 đồng. Nên bị cáo phải có trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 604, 605 và 608 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngày 20/10/2023, bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của bị cáo) đã nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 60.000.000 đồng; được dùng để thanh toán cho bị hại (Hội đồng xét xử ấn định số tiền thanh toán cho Công ty T6 là 42.000.000 đồng, và thanh toán cho Công ty T7 là 18.000.000 đồng); bị cáo còn có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng cộng là $99.560.000 - 60.000.000 = 39.560.000$ đồng. Cụ thể:

- Bồi thường cho Công ty T6 là 27.894.000 đồng;

- Bồi thường cho Công ty T7 là 11.666.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo mức có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bị hại trừ đi số tiền 60 triệu đồng đã nộp để khắc phục hậu quả ($99.560.000 - 60.000.000 = 39.560.000$ đồng) - theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Đối với Phan Chí T1 không thừa nhận hành vi phạm tội, ngoài lời khai của Lầu Hồng Nhung thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh T1 cùng N1 tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 20231017/QĐ-PC02-Đ4 ngày 11/12/2023 về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” (trong đó có hành vi làm giả tài liệu của Lầu Hồng N1) để tiếp tục điều tra làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Văn T6 là chủ tiệm Photocopy tại địa chỉ số E đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh không biết các giấy tờ do N1 đến ép nhạ là giả nên không có căn cứ để xử lý hình sự, là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 174; các điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: bị cáo Lầu Hồng N1 03 (ba) năm tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2021.

2. Về dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Lầu Hồng N1 bồi thường cho Công ty T6 là 69.894.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lầu Hồng N1 bồi thường cho Công ty T7 là 29.666.000 đồng

- Số tiền 60.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp vào Kho bạc Nhà nước (theo Giấy nộp tiền ngày 23/10/2023 vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H số 394909059775, mở tại Kho bạc Nhà nước Q, Chi nhánh Thành phố H) được dùng để thanh toán cho: Công ty T6 là 42.000.000 đồng; Công ty T7 SAISON là 18.000.000 đồng.

- Bị cáo Lầu Hồng N1 tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho: Công ty T6 là 27.894.000 đồng; Công ty T7 SAISON là 11.666.000 đồng.

Thi hành một lần tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đầy đủ các khoản tiền bồi thường về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; các điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.978.000 đồng, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (2)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang